

Số: 857 /GPMT-UBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Mai Lâm số 02/GPMT-ML ngày 01/3/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 187/BC-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Mai Lâm, địa chỉ: phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì nhựa mềm màng ghép phức hợp” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì nhựa mềm màng ghép phức hợp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900249568 đăng ký lần đầu ngày 12/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/11/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000224 ngày 20/7/2009 của UBND tỉnh chứng nhận cho Công ty TNHH Mai Lâm thực hiện dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa mềm màng ghép phức hợp.

1.4. Mã số thuế: 0900249568.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất bao bì nhựa mềm màng ghép phức hợp; sản xuất, lắp ráp thiết bị điện dân dụng và công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 14.860 m² tại Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Loại hình dự án thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô xây dựng: Nhà điều hành (144 m^2); nhà xưởng 1 (2.000 m^2); nhà xưởng 2 (1.752 m^2); nhà xưởng 3 (1.652 m^2); nhà kỹ thuật (150 m^2); nhà kho 1 (612 m^2); nhà kho 2 (707 m^2); kho tổng hợp (1.440 m^2); các hạng mục công trình phụ trợ và công trình xử lý chất thải (gồm 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn).

- Công suất theo Giấy chứng nhận đầu tư và đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt: Ồ cắm, công tắc, phụ kiện điện 3,5 triệu sản phẩm/năm; máng đèn, chấn lưu 2,5 triệu sản phẩm/năm; aptomat dân dụng 1 triệu sản phẩm/năm; bóng đèn 4,5 triệu sản phẩm/năm; bao bì 8,5 triệu sản phẩm/năm.

- Công suất (hồ sơ cấp giấy phép môi trường): Ồ cắm, công tắc 3,5 triệu sản phẩm/năm, aptomat dân dụng 1 triệu sản phẩm/năm, bóng đèn 4,5 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép phát sinh nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Mai Lâm:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Mai Lâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

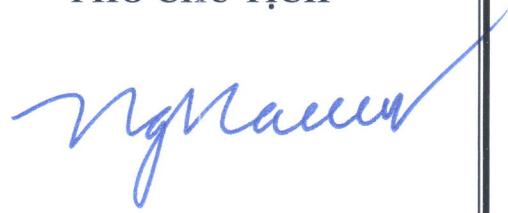
Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./. 

Nơi nhận: 

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Mỹ Hào;
- Công TTĐT tỉnh (*đăng tải công khai*);
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (*trả kết quả*);
- Công ty TNHH Mai Lâm;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 857/GPMT-UBND ngày 11/4/2023
của UBND tỉnh Hưng Yên)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Có 01 nguồn: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh và rửa tay chân của cán bộ công nhân viên trong nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam dự án tại phường Dị Sỹ, thị xã Mỹ Hào sau đó thoát vào trung thủy nông Nhân Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Nam dự án tại phường Dị Sỹ, thị xã Mỹ Hào.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, mũi chiếu 3°): X: 2315103; Y: 560274.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCĐP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	1 lần/năm
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30,6	1 lần/năm
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	51	1 lần/năm
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600	1 lần/năm
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2	1 lần/năm
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	1 lần/năm
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36	1 lần/năm
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12	1 lần/năm
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6	1 lần/năm

10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2	1 lần/năm
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	1 lần/năm

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay, vệ sinh của công nhân được xử lý sơ bộ qua 4 bể tự hoại với tổng thể tích 65m^3 sau đó chảy theo đường ống PVC đường kính 110mm, dài 5m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ có thể tích $0,6\text{m}^3$ ($1,2\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$) sau đó chảy theo đường ống PVC đường kính 110mm, dài 2m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCĐP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) theo đường ống PVC đường kính 90mm dài khoảng 3m ra hệ thống thoát nước chung phía Đông Nam của dự án thuộc phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào sau đó đổ ra trung thủy nông Nhân Hòa.

- Nước thải sản xuất tại công đoạn làm mát sản phẩm được tuần hoàn, tái sử dụng, không thải ra môi trường. Quy trình:

Nước làm mát sản phẩm → Tháp giải nhiệt → Bồn chứa nước làm mát → Tuần hoàn, tái sử dụng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể điều hòa → bể SBR → cột lọc than hoạt tính → cột lọc áp lực → bể khử trùng (viên clo khô) → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Viên clo khô, đường trắng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ tháng 4/2023 đến hết tháng 6/2023.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: Lưu lượng, pH, $\text{BOD}_5(20^\circ\text{C})$, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Dầu mỡ

động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), Tổng Coliforms

- Quy chuẩn so sánh: QCĐP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải xử lý đạt QCĐP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước chung tại phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào.

3.3. Trường hợp xả thải của nhà máy có sự cố bất thường phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng liên quan ở địa phương.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. ✓

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 857/GPMT-UBND ngày 11/4/2023
của UBND tỉnh Hưng Yên)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất, máy móc, thiết bị của nhà máy: máy đùn ép, máy dập...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại các khu vực sản xuất của dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Trang bị bộ phận tiêu âm cho các thiết bị có cường độ âm lớn; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 857/GPMT-UBND ngày 11/4/2023
của UBND tỉnh Hưng Yên)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ dính dầu, mỡ thải	Rắn	18 02 01	50
2	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	24
3	Pin ắc quy thải	Rắn	16 01 12	6
4	Mực in thải	Rắn	08 02 01	2
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	4
6	Than hoạt tính từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	12 01 04	20
	Tổng			106

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn từ khu vực nhà hành chính, văn phòng: Vỏ bút bi, túi nilon, giấy loại, vỏ hồ sơ, vỏ giấy hộp, giấy in hỏng, vỏ thùng carton...	1.200
2	Sản phẩm đui đèn lỗi	50
3	Các loại chất thải khác: bùn cặn từ bể phốt, hố ga...	10
	Tổng	1.260

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

42 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng nhựa cứng, loại dung tích 80 lít; 01 thùng phuy dung tích 200 lít.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m² (5m x 3m); kết cấu tường xây và mái tôn, nền xi măng bê tông kín khít, không bị thấm thấu; gắn biển cảnh báo

CTNH; có gờ, rãnh và hố thu gom phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ CTNH dạng lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa chất thải thông thường: Thùng rác chuyên dụng, loại dung tích 120lít, bao bì mềm.

- Thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt: 02 thùng chứa loại dung tích 120 lít; 01 thùng loại 80 lít.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m²(3m x 5m).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài./. *v*
